

ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC TRONG ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG SƯ PHẠM

PGS.TS. TRỊNH THANH HẢI - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên
TS. TRỊNH THỊ PHƯƠNG THẢO - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

1. Đặt vấn đề

Hoạt động (HĐ) đánh giá (ĐG) sinh viên (SV) là một trong những HĐ thường xuyên của giảng viên. Kết quả ĐG SV không chỉ có tác động tích cực đối với việc điều chỉnh, đổi mới phương pháp dạy học (DH) của giảng viên mà còn là những thông tin quan trọng đối với nhà trường sư phạm trong việc phát triển chương trình đào tạo.

Hiện nay, việc ĐG SV có những hình thức chủ yếu sau: ĐG định tính qua nhận xét, quan sát,... (qualitative assessment); ĐG dựa trên kết quả thực hiện (performance-based assessment); ĐG theo chuẩn (standard-based assessment); ĐG theo NL (competence-based assessment); ĐG theo sản phẩm đầu ra (outcome-based assessment)... Mặt khác, qua tìm hiểu ở một số trường sư phạm và kết quả nghiên cứu của một số chuyên gia, việc giảng viên đánh giá SV vẫn còn một vài bất cập [1]:

- Chưa ý thức được việc cần thiết thực hiện đổi mới phương pháp DH và cách đánh giá năng lực (NL) người học;

- Chưa hiểu về triết lí đánh giá, vận dụng lí luận chưa đồng bộ. Nhiều giảng viên chưa trả lời được đầy đủ các câu hỏi về ĐG như: ĐG để làm gì? Tại sao phải ĐG? ĐG nhằm thúc đẩy, hình thành khả năng gì ở SV?

- Chỉ chú trọng đến ĐG cuối kì mà chưa chú trọng việc ĐG thường xuyên, ĐG quá trình trong quá trình DH. Do vậy, kết quả ĐG không phản ánh đúng sự tiến bộ hay không tiến bộ của SV.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung vào việc trình bày các biện pháp bồi dưỡng giảng viên trường sư phạm thực hiện việc ĐG SV theo định hướng tiếp cận NL.

2. ĐG quá trình học tập của SV theo hướng tiếp cận NL

Theo nhà Tâm lí học người Nga V.A.Cruchetkxi: NL được hiểu như là một phức hợp các đặc điểm tâm lí cá nhân của con người đáp ứng những yêu cầu của một HĐ nào đó và là điều kiện để thực hiện thành công HĐ đó. Như vậy, ta có thể quan niệm NL sư phạm là hệ thống những thuộc tính của cá nhân con người, phù hợp với yêu cầu của HĐ sư phạm và làm cho HĐ sư phạm đó đạt kết quả cao. Theo Nguyễn Công Khanh, ĐG theo hướng tiếp cận NL là ĐG theo chuẩn về sản phẩm đầu ra,... Nhưng sản phẩm đó không chỉ là kiến thức, kĩ năng mà chủ yếu là khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập đạt tới một chuẩn nào đó [2]. Đặc trưng của ĐG theo định hướng tiếp cận NL là sử dụng nhiều phương pháp khác nhau tập trung ĐG NL hành động, vận dụng thực tiễn, NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy sáng tạo, NL giao tiếp, NL phát triển bản thân,...

Theo chúng tôi, để ĐG quá trình học tập của SV theo hướng tiếp cận NL, giảng viên có thể thực hiện như sau:

(1). Cụ thể hóa NL cần ĐG, chẳng hạn: SV phải nắm được những kiến thức cơ bản nào? SV phải có những kĩ năng nào? Khả năng SV vận dụng kiến thức, kĩ năng vào những tình huống cụ thể trong DH ra sao? Ngoài ra, cần xem xét khía cạnh khác như SV có còn có thái độ sẵn sàng, khả năng tự học để nâng cao NL không?

Ví dụ: Một trong những NL cốt lõi đối với SV sư phạm là NL ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào DH. NL này bao gồm:

Nhóm 1: NL sử dụng CNTT trong khâu chuẩn bị thiết kế bài giảng bao hàm các NL thành tố: NL sử dụng máy tính điện tử; NL tìm kiếm, khai thác thông tin trên internet; NL thiết kế trình chiếu,...

Nhóm 2: NL sử dụng CNTT trong khâu tổ chức thực hiện bài giảng bao hàm các NL thành tố: NL diễn đạt ý tưởng bằng công cụ CNTT; NL lựa chọn chủ đề phù hợp để ứng dụng CNTT; NL lựa chọn tài nguyên phù hợp với bài dạy; NL sử dụng phần mềm hỗ trợ DH; NL lựa chọn phần mềm hỗ trợ DH; NL khai thác E-learning trong tổ chức HĐ DH,...

Nhóm 3: NL sử dụng CNTT trong khâu ĐG kết quả giờ giảng (tập trung vào ĐG kết quả tiếp thu kiến thức của HS) bao hàm các NL thành tố: NL quản lí HĐ học tập của HS; NL tổ chức kiểm tra, ĐG,...

(2). Giảng viên thiết kế các dạng kiểm tra theo hướng SV thể hiện NL của mình qua các sản phẩm, các bài luận,... và thái độ tham gia các HĐ. SV chứng minh khả năng huy động vốn kiến thức, kĩ năng của mình vào giải quyết những vấn đề cụ thể trong thực tiễn học tập, giảng dạy, làm công tác giáo dục,...

(3). Cụ thể hóa mức tiêu ĐG qua các tình huống, câu hỏi, bảng hỏi... với các trọng số phù hợp. Chú ý tăng cường tỉ lệ các tình huống, câu hỏi mở để SV có cơ hội bộc lộ NL của mình.

Ví dụ: Để ĐG NL ứng dụng CNTT vào DH của SV, giảng viên có thể triển khai ĐG NL này bằng cách căn cứ vào các cấp độ của NL ứng dụng CNTT vào DH, thiết kế một hệ thống các nhiệm vụ cụ thể tương ứng với từng cấp độ:

Với NL biết lựa chọn tài nguyên phù hợp với nội dung bài giảng có thể đưa ra bốn cấp độ sau:

Cấp độ 0: SV chưa có khái niệm thế nào là tài nguyên phù hợp với nội dung bài giảng, chưa biết cách sử dụng tài nguyên trong bài giảng.

Cấp độ 1: Nhận biết: SV đã nhận biết được đặc điểm của các tài nguyên hỗ trợ DH. Từ đó, đưa ra định hướng nhằm lựa chọn tài nguyên DH dựa trên những tiêu chí nhất định (tính chính xác, trực quan, mô phỏng,...).

Cấp độ 2: Biết lựa chọn: SV lựa chọn được những tài nguyên DH phù hợp với nội dung bài giảng và phát huy được những thế mạnh của CNTT.

Cấp độ 3: Lựa chọn hợp lí, có hiệu quả: SV lựa chọn được các tài nguyên đa phương tiện phù hợp với bài dạy,

bổ sung cho thông tin đã có trong sách giáo khoa và phù hợp với ý đồ sư phạm của kịch bản DH,...

(4). Lưu lại kết quả kiểm tra (thường là dạng bảng tóm tắt) ghi lại kết quả, nhận xét của giảng viên đối với SV. Bảng lưu kết quả ghi nhận NL của SV ứng với các mốc kiểm tra sẽ mô tả một cách trực quan quá trình tiến bộ của từng SV, kết quả (đầu ra) của mỗi SV sau khi kết thúc nội dung bồi dưỡng của giảng viên. Đồng thời minh họa cho thấy mức độ phù hợp của các biện pháp sư phạm, các nhiệm vụ mà giảng viên đã giao cho SV nhằm bồi dưỡng NL ứng dụng CNTT vào DH.

(5). Ngoài việc ĐG thường xuyên SV bằng các bài kiểm tra được thiết kế theo hướng ĐG sản phẩm đầu ra, giảng viên cần kết hợp với các biện pháp thông dụng khác như: ĐG qua hồ sơ; ĐG qua quan sát; ĐG qua phỏng vấn; ĐG của bên thứ ba,... để có được các thông tin chính xác nhất.

Để kiểm nghiệm, ĐG tính hiệu quả của kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm sư phạm ĐG một số NL trong DH môn Tin học trong quá trình DH phần *Lí luận và phương pháp DH môn Tin* cho SV chuyên ngành sư phạm Tin học và sư phạm Toán - Tin của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên các lớp sau: Năm học 2012-2013: Lớp Sư phạm Tin học khóa 45: 64 SV; Năm học 2013-2014: Lớp Sư phạm Tin học khóa 46: 33 SV; Lớp Sư phạm Toán - Tin khóa 46: 63 SV; Năm học 2014-2015: Lớp Sư phạm Tin học khóa 47: 22 SV (có 06 SV nước Lào).

Kết quả ĐG NL biết lựa chọn tài nguyên phù hợp với nội dung bài giảng (Bảng 1); NL sử dụng phần mềm hỗ trợ DH (Bảng 2) đã minh họa phần nào hiệu quả ban đầu của các biện pháp thực hiện.

Bảng 1: Kết quả ĐG NL lựa chọn tài nguyên phù hợp với nội dung bài giảng

Thời điểm	Kết thúc chương II (tuần 5)				Kết thúc chương III (tuần 8)				Kết thúc chương IV (tuần 11)				Kết thúc chương V (tuần 14)			
	0	1	2	3	0	1	2	3	0	1	2	3	0	1	2	3
Cấp độ Năm học																
2012-2013 (64SV)	12	48	4	0	5	31	23	5	0	13	37	14	0	4	37	23
2013-2014 (96 SV)	36	42	18	0	11	27	42	16	4	12	51	29	1	3	57	35
2014-2015 (22 SV)	4	17	1	0	1	6	12	3	1	4	10	7	0	2	14	6

Nhận xét: Nếu xác định chuẩn đầu ra là SV phải đạt được mức 2 thì số SV đạt chuẩn chiếm khoảng 94,5%. Tuy nhiên, nếu xác định chuẩn đầu ra là mức 3 thì tỉ lệ SV đạt chuẩn trung bình chỉ khoảng 35,1%.

Bảng 2: Kết quả ĐG NL sử dụng phần mềm hỗ trợ DH môn Tin học

Cấp độ Năm học	Kết thúc chương II (tuần 5)				Kết thúc chương III (tuần 8)				Kết thúc chương V (tuần 14)			
	0	1	2	3	0	1	2	3	0	1	2	3
2012-2013(64SV)	27	30	7	0	9	29	17	9	0	6	37	21
2013-2014(96 SV)	31	47	16	2	11	36	35	14	2	14	48	32
2014-2015(22 SV)	7	13	2	0	2	7	9	4	0	5	12	5

Nhận xét: Nếu xác định chuẩn đầu ra là SV phải đạt được mức 2 thì số SV đạt chuẩn chiếm khoảng 85,1%. Tuy nhiên, nếu xác định chuẩn đầu ra là mức 3 thì tỉ lệ SV đạt chuẩn trung bình chỉ khoảng 31,8%.

3. Một số giải pháp nhằm bồi dưỡng cho giảng viên trường sư phạm thực hiện việc ĐG quá trình học tập của SV theo hướng tiếp cận NL

Vấn đề bồi dưỡng cho giảng viên các trường sư phạm khả năng ĐG SV nói chung, ĐG quá trình học tập của SV theo định hướng tiếp cận NL nói riêng là cần thiết, góp phần cụ thể hóa công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục đại học. Để giảng viên thực hiện việc ĐG quá trình học tập của SV theo hướng tiếp cận NL, theo chúng tôi, cần tiến hành đồng bộ một số giải pháp sau:

(1) Tổ chức tập huấn về ĐG quá trình học tập của SV theo hướng tiếp cận NL cho giảng viên: Nội dung tập huấn cần đi trực tiếp vào phương pháp, kĩ thuật, hình thức ĐG theo hướng tiếp cận NL; Các bước thiết kế, biên tập để kiểm tra theo hướng tiếp cận NL.

(2) Vừa triển khai ĐG quá trình học tập của SV theo hướng tiếp cận NL vừa cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở thông tin phản hồi và tác động của kiểm tra đến quá trình rèn luyện NL của SV.

(3) Tăng cường sử dụng các biện pháp DH tích cực, chẳng hạn việc giảng viên sử dụng DH theo dự án, DH hợp tác, DH kiến tạo, DH khám phá,... SV vừa có động lực, vừa có môi trường để khẳng định NL của bản thân qua kết quả thực hiện các HĐ học tập để hoàn thành mục tiêu,...

(4) Yêu cầu giảng viên phối hợp sử dụng hợp lí các hình thức kiểm tra ĐG, trong đó, lưu ý các hình thức đánh giá phù hợp với xu hướng ĐG theo hướng tiếp cận NL như: ĐG thông qua hồ sơ học tập, ĐG qua thông tin phản hồi của SV, SV tự kiểm tra ĐG bản thân và bạn bè,...

4. Kết luận

Để thực hiện thành công Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, các trường sư phạm phải đi đầu với vị trí xung kích, tập trung vào các nội dung quan trọng như: Đổi mới tư duy về giáo dục, đổi mới việc xây

dựng chương trình chuyển từ DH tập trung vào mục tiêu, nội dung chương trình sang DH tập trung vào việc tổ chức quá trình đào tạo nhằm hình thành cho SV sự phạm hệ thống NL cốt lõi,... Việc đổi mới kiểm tra ĐG theo hướng tiếp cận NL đóng vai trò quan trọng vì vừa là mục tiêu, vừa là động lực của đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo ở các trường sư phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường, (2014), *Lí luận DH hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp DH*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
[2]. Nguyễn Công Khanh, (2013), *Đổi mới*

kiểm tra ĐG học sinh phổ thông theo cách tiếp cận NL, Báo cáo hội nghị, Hà Nội.

[3]. Trịnh Thanh Hải - Trần Trung Tĩnh, (2015), *Hình thành, bồi dưỡng NL DH cho SV sư phạm ngành Toán học*, Tạp chí Khoa học- Đại học Sư phạm Hà Nội, Volume 60, Number 1.

[4]. Nitko, A.J., & Brookhart, S.M., (2007), *Educational assessments of students* (5th ed.) Upper Saddle River, NJ: Pearson/ Prentice Hall.

SUMMARY

Basing on clearly definition of teachers' core competencies at high schools, the article refers to issue of professional training in assessment for academic staff at pedagogical schools in order to implement the evaluation of students' learning process towards competence approach.

Keywords: Learning process; competence approach; pedagogical schools.

MÔ HÌNH CẤU TRÚC KĨ NĂNG DẠY... (Tiếp theo trang 18)

giải, kiểm tra lời giải biện luận trả lời. Nhóm KN dạy BT trên lớp bao gồm các hành động: Giới thiệu đề bài (đọc, nói, viết, trình chiếu, vẽ hình,...), tổ chức hoạt động HS tích cực tự lực sáng tạo giải BT (hoạt động cá nhân nhóm với các phương tiện: Câu hỏi, bảng chính/phụ, phiếu học tập, thí nghiệm,...), trình bày mẫu, khái quát hóa khắc sâu nội dung, phương pháp. Nhóm KN đánh giá phản hồi kết quả DH gồm: Đánh giá kế hoạch dạy, đánh giá hoạt động dạy, hoạt động học về việc thực hiện theo kế hoạch: Mức độ đạt được của mục tiêu, sự phù hợp của nội dung BT với mục tiêu, sự phù hợp của hình thức sử dụng BT, các tình huống nảy sinh và xử lý, điều chỉnh kế hoạch. Sự phân chia hoạt động, hành động, thao tác mang tính tương đối tùy thuộc vào mức độ thành thạo của KN. Hành động rèn luyện để thực hiện được thuần thực đến mức thực hiện không còn sự tham gia của ý thức thì hành động trở thành thao tác, kĩ xảo.

Mô hình cấu trúc này là cơ sở để thiết lập nội dung và phương pháp rèn luyện, đánh giá KN dạy BT Vật lí - một KN chuyên biệt thuộc NL DH của cử nhân sư phạm Vật lí theo tiếp cận NL thực hiện trong ĐT nghề.

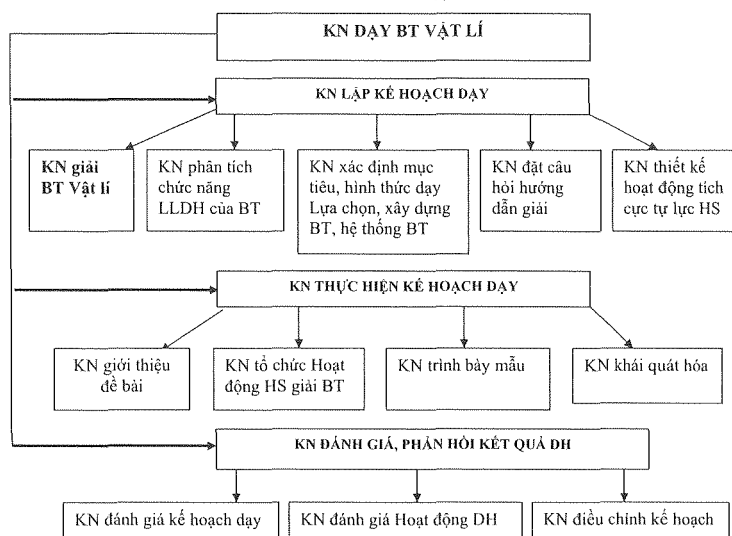
3. Kết luận

Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp ĐT GV phải đi trước một bước so với đổi mới GD phổ thông. ĐT nghề theo NL thực hiện cần dựa trên vị trí việc làm để xác định những nhiệm vụ mà người lao động phải thực hiện trong hoạt động nghề nghiệp, từ đó xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình ĐT. Phân tích các nhiệm vụ để xác định được các công việc trong từng nhiệm vụ, mỗi công việc lại được phân tích thành các bước thực hiện, mỗi bước thực hiện cần phải huy động những kiến thức KN thái độ tương ứng và các lỗi thường gặp. Đây là cơ sở cho việc xây dựng và phát triển chương trình ĐT nghề. Với tiếp cận đó, KN dạy BT được xác định là một nhiệm vụ đặc thù của GV Vật lí, được phân tích theo lí thuyết hoạt động thành các KN thành tố dùng làm cơ sở cho việc thiết kế nội dung và phương pháp rèn luyện, đánh giá kết quả rèn luyện trong ĐT cử nhân sư phạm Vật lí, góp phần hiện thực hóa đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp ĐT GV, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Như Ý, (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Sơ đồ 1: Cấu trúc KN dạy BT Vật lí



[2]. A.V. Petrovski, (1982), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, NXB GD, Hà Nội.

[3]. Phạm Hữu Tông, (1999), *Thiết kế hoạt động DH Vật lí*, NXB GD, Hà Nội.

[4]. Bộ GD&ĐT, (2014), *Tài liệu hội thảo chương trình GD phổ thông tổng thể trong chương trình GD phổ thông mới*.

[5]. V.A. Cruchetxki, (1981), *Những cơ sở của tâm lí học sư phạm*, NXB GD, Hà Nội.

[6]. P.A. Rudich, (1986), *Tâm lí học*, NXB Thể thao, Hà Nội.

[7]. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt, (1988), *GD học*, NXB GD, Hà Nội.

[8]. Bộ GD&ĐT (2009), *Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông*, Thông tư 30/2009/TT - Bộ GD&ĐT, Hà Nội.

SUMMARY

Skillof teaching exercises is a key component in the structure of teachers' teaching competence in Physicsat high school. The paper presents research findings of developing structure model of 'skills of teaching exercises'towards implementation competence, as a basis for the design of its content and practice methods, assessment skills in teaching exercises inbachelor program in Physics education, contributes to improving quality of teacher training, meeting requirements of educational reform towards competence approach.

Keywords: Skills; teaching; physic exercises.